TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 205/2026/QĐST-LĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Võ Thị Thu Thảo

***Thư ký phiên họp*:** Bà Nguyễn Thuỷ Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 255/2026/TLST-LĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 190/2026/QĐST – LĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1981; thường trú: ấp D, xã X, Thành phố Cần Thơ, *có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1967; thường trú: ấp A, xã X, Thành phố Cần Thơ, *có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt.*

2. Công ty TNHH C; địa chỉ: Khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, *vắng mặt*.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở Bình Dương - Thành phố C; địa chỉ: Số A, đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, *vắng mặt.*

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Phạm Thị T trình bày:

Tháng 5/2026, bà Phạm Thị T có nhu cầu rút bảo hiểm xã hội một lần thì được thông báo quá trình đóng bảo hiểm xã hội của bà bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH C từ tháng 12/2011 đến tháng 7/2017. Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do vào khoảng tháng 12 năm 2011 bà Phạm Thị T có cho bà Đặng Thị N mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C, quá trình làm việc bà Phạm Thị T được Công ty TNHH C tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 7411315221. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho bà Đặng Thị N mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho bà Đặng Thị N có công việc để trang trải cuộc sống. Vì vậy, bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị T với Công ty TNHH C là vô hiệu, bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N trình bày: Vào thời điểm tháng 12/2011 do bà Đặng Thị N bị mất chứng minh nhân dân nên bà có mượn hồ sơ của bà Phạm Thị T để xin việc tại Công ty TNHH C1 Quá trình làm việc Công ty có tham gia bảo hiểm cho bà N, việc tham gia bảo hiểm của bà tại Công ty bị trùng với thời gian tham gia bảo hiểm của bà Phạm Thị T. Nay bà T có yêu cầu Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Phạm Thị T (do bà Đặng Thị N là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH C trong khoảng thời gian làm từ tháng 12/2011 đến tháng 7/2017 thì bà đồng ý và không yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH C trình bày: Công ty TNHH C đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định tại các Điều 178; Điều 366; Điều 367; Điều 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Công ty TNHH C đều vắng mặt không rõ lý do.

- Tại công văn số 1877/Cv –BHXH ngày 28/5/206, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở C cung cấp: Bà Phạm Thị T, sinh ngày 01/01/1981, CCCD: 093181009325. Sổ BHXH số: 7411315221 có quá trình tham gia từ tháng 12/2011 đến tháng 7/2017 tại Công ty TNHH C được xác nhận bảo lưu trên sổ. Tại thời điểm tra cứu bà T chưa hưởng trợ cấp 1 lần, chưa hưởng thất nghiệp. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đề nghị Q tòa tuyên buộc người mượn hồ sơ tư pháp đi làm việc và tham gia BHXH được điều chỉnh thông tin nhân thân đúng của người lao động.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người yêu cầu bà Phạm Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị N đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Đối với Công ty TNHH C – Thành phố Hồ Chí Minh chưa thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Phạm Thị T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Phạm Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bảo hiểm xã hội cơ sở C - Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH C vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 7/2017, người lao động tên Phạm Thị T giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C và được Công ty TNHH C tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7411315221. Tuy nhiên, bà Phạm Thị T và bà Đặng Thị N đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C và thực tế làm việc tại Công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 7/2017 là bà Đặng Thị N không phải bà Phạm Thị T (do bà Phạm Thị T cho bà Đặng Thị N mượn chứng minh nhân dân).

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà Phạm Thị T và bà Đặng Thị N phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở C. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2011 bà Phạm Thị T đang làm việc tại Công ty khác. Như vậy chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C và thực tế làm việc tại Công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 7/2017 là bà Đặng Thị N (do bà Phạm Thị T cho bà Đặng Thị N mượn chứng minh nhân dân). Từ đó, dẫn đến có sự trùng lặp về khoảng thời gian tham gia bảo hiểm của bà Phạm Thị T.

Theo Điều 9 của Bộ luật Lao Động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, năm 2006 và năm 2007 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: "*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*". Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khoẻ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*" và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*". Theo quy định tại Điều 122, Điều 127 Bộ luật dân sự 2015, thì giao dịch dân sự sẽ bị vô hiệu và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật

Lao động năm 2019, thì: "*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*". Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L thì: *"...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*". Do đó, có cơ sở xác định việc bà Đặng Thị N mượn hồ sơ cá nhân của bà Phạm Thị T để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH là 7411315221 vào khoảng thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 7/2017 tại Công ty TNHH C là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị T với Công ty TNHH C theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411315221 là vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*, chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH C trong giai đoạn tháng 12/2011 đến tháng 7/2017 là bà Đặng Thị N, không phải là bà Phạm Thị T.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39;Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 127, 132 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 122, 127 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, năm 2006 và năm 2007;

- Căn cứ khoản khoản 2 Điều 19; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Phạm Thị T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết nhân danh bà Phạm Thị T (do bà Đặng Thị N sử dụng thông tin nhân thân của bà Phạm Thị T để giao kết) với Công ty TNHH C trong thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 7/2017 theo sổ BHXH số 7411315221 là vô hiệu toàn bộ.

- Xác định người trực tiếp làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ số 7411315221 tại Công ty TNHH C trong thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 7/2017 không phải là bà Phạm Thị T, sinh năm 1981, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số 093181009325.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, bà Phạm Thị T và bà Đặng Thị N có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện việc điều chỉnh thông tin người tham gia và xử lý dữ liệu quá trình tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036393 ngày 09/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Võ Thị Thu Thảo